

THIẾT KẾ XỬ LÝ - THỐNG KÊ LƯƠNG

1. Danh sách các kiểu dữ liệu

STT	kiểu dữ liệu	ý nghĩa	ghi chú
1	Date	Dùng để lưu trữ thời gian chọn làm mốc thống kê	
2	Float	Dùng để tính tổng lương bằng số liệu	
3	Varchar	Dùng để lưu tên thông tin dịch vụ	
4	List	Dùng để lưu danh sách lương các phòng ban đã thống kê	
5	Int	Dùng để lưu dữ liệu số tháng và năm	

2. Danh sách các biến

STT	Biến	Kiểu	Ý nghĩa	Ghi chú
1	ThangBD, ThangKT	Int	Tháng bắt đầu và kết thúc thống kê	
2	NamBD, NamKT	Int	Năm bắt đầu và kết thúc thống kê	
3	DSBangLuong	List	Danh sách các bảng lương	
4	PhongBan	varchar	Tên phòng ban cần thống kê	Nếu người dùng không chọn mặc định tên phòng ban là tất cả

3. Danh sách các hằng

STT	Hằng	Kiểu	Giá trị	Ý nghĩa	Ghi chú
	N/A				

4. Danh sách các hàm xử lý

STT	Hàm	Tham số	Kết quả trả về	Thuật giải	Ý nghĩa	Ghi chú
1	getPhongBan()	N/A	Phòng ban cần thống kê - PhongBan			
2	ThongKe()	PhongBan	Danh sách thống kê lương - ListLuong	B1: Lấy dữ liệu từ các mốc thời gian và dữ liệu phòng ban đã chọn trước khi thống kê. B2: Thực hiện truy xuất cá tháng lương từ bảng lương nhân viên tương ứng với thời gian và phòng ban đã đưa vào trước đó. B3: Tiến hành tính tổng lương nhân viên và lưu kết quả vào danh sách ListLuong và kết thúc.	Xử lý thống kê	
3	ShowTable()	ListLuong	Bảng lương nhân viên	B1:Lấy kết quả trả về của hàm ThongKe() trước đó và hiển thị danh sách thống kê ra bảng.	Hiển thị kết quả thống kê	